

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-ST

Ngày 25 – 4 – 2022

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Nguyễn Hoàng Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D tham gia phiên tòa:** Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh Đ (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1982; Cư trú tại: Ấp Nh C, xã Q Ph B, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau; (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Ng và bà Nguyễn Ánh Th; Cư trú tại: Ấp Nh C, xã Q Ph B, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lê Thanh Đ trình bày:*

Ông Ng, bà Th có tham gia hai chung hụi do ông Đ làm chủ hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất mở ngày 10/5/2017 al, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 30 chung, ông Ng, bà Th tham gia 01 chung, đóng được 8 lần hụi sống thì hốt hụi. Dây hụi này ông Ng, bà Th còn nợ 22 lần hụi chết không đóng với số tiền 22.000.000 đồng, hiện tại hụi đã mất.

- Dây hụi thứ hai mở ngày 09/9/2017 al, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 28 chung, ông Ng, bà Th tham gia 01 chung, hốt hụi từ lần

khui đầu tiên. Dây hụi này ông Ng, bà Th còn nợ 27 lần hụi chết không đóng với số tiền 54.000.000 đồng, hiện tại hụi đã mất.

Tổng số tiền hụi ông Ng, bà Th thiếu ông Đ là 76.000.000 đồng, sau đó có trả số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ lại 74.000.000 đồng. Ngày 02/12/2017 al, ông Ng có ký cam kết trả tiền nhưng đến nay chưa trả.

Nay ông Lê Thanh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng Ng và bà Nguyễn Ánh Th trả số tiền 02 chung hụi đã tham gia còn nợ lại là 74.000.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu lãi suất.

*\* Đối với ông Nguyễn Hoàng Ng, bà Nguyễn Ánh Th:*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Ng, bà Th biết về yêu cầu khởi kiện của ông Đ nhưng ông Ng, bà Th không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh Đ. Buộc ông Nguyễn Hoàng Ng và bà Nguyễn Ánh Th trả lại cho ông Lê Thanh Đ số tiền hụi 74.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Nguyễn Hoàng Ng và bà Nguyễn Ánh Th đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông Ng, bà Th trả lại số tiền hụi không góp. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Giữa ông Đ với ông Ng, bà Th có giao dịch hụi với nhau, ông Đ làm chủ hụi và hưởng hoa hồng, ông Ng và bà Th là hụi viên tham gia hai chung hụi mở ngày 10/5/2017 âm lịch và ngày 09/9/2017 âm lịch, được các hụi viên khác tham gia cùng dây hụi xác nhận, vì vậy giao dịch hụi của các đương sự là thực tế có xảy ra. Tuy nhiên, sau khi ông Ng, bà Th bỏ hụi hết thì không thực hiện đúng nghĩa vụ góp số chung hụi còn lại. Hiện tại cả hai chung hụi nêu trên đều mất, ông Đ đã bỏ tiền ra lập hụi thay

cho ông Ng, bà Th để góp cho các hội viên khác trong đây hội đối với cả hai đây hội ông Ng, bà Th tham gia với số tiền 76.000.000 đồng, có trả số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ lại 74.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Đ xác định, giấy hội ghi tên Ng, nhưng quá trình giao dịch hội bà Th đều có bỏ hội, hốt hội, đóng hội cho ông và khi giao tiền hội ông cũng giao cho ông Ng, bà Th nhận. Mặt khác, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông Ng và bà Th phải có trách nhiệm là phù hợp.

Đồng thời căn cứ vào khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phường quy định: “Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau: Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên.” Đối chiếu quy định pháp luật, ông Ng bà Th là hội viên đã hốt phần hội thì phải có nghĩa vụ góp hội cho chủ hội. Tuy nhiên, hiện tại hội đã mãn, ông Đ đã góp hội thay cho ông Ng, bà Th số tiền 74.000.000 đồng, quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ng, bà Th biết nhưng vẫn không có ý kiến hay yêu cầu gì. Từ các căn cứ trên, buộc ông Ng, bà Th trả số tiền hội cho ông Đ và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Đối với lãi suất chậm trả, ông Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Ng, bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.700.000 đồng (74.000.000 đồng x 5%) tương ứng số tiền phải trả cho nguyên đơn;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh Đ.

1.1. Buộc bà ông Nguyễn Hoàng Ng và Nguyễn Ánh Th cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Thanh Đ số tiền hội là 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

2.1. Ông Lê Thanh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Đ số tiền 1.850.000 đồng theo Biên lai thu số 0011623 ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D.

2.2. Ông Nguyễn Hoàng Ng và bà Nguyễn Ánh Th phải chịu 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Trúc**

